

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS - ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2019
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH PHÚC
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông
2. Ông Nguyễn Văn Chung

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2017/TLST - DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1962 (có mặt)
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 (có mặt)
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
 - Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1943 (vắng mặt)
 - Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1942 (vắng mặt)
 - Bà Lương Thị Ch, sinh năm 1964 (vắng mặt)
 - Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Hoàng Xá Ng, xã Vĩnh Th- V - Vĩnh Phúc

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Đều trú tại: Khu Hợp Ph, phường Minh Ph, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Trung T trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất: Gia đình ông có 01 thửa đất tại thửa số 12, tờ bản đồ số 2, diện tích là 478 m². đất của các cụ để lại. Danh giới đất nhà ông và nhà anh H là một đường gấp khúc không thẳng nhưng do gia đình anh H xây từng đoạn tường đào vào từng thời điểm khác nhau nên đã xây ngoằn nghèo không thẳng và hiện nay tường đào nhà anh H đổ sang phần đất nhà ông, phình to ở giữa. Hiện tại nhà ông đang bị thiếu đất. Ông đã nhiều lần nói chuyện tình cảm với gia đình anh H nhưng hai bên không thống nhất được. Vậy nên ông đề nghị anh H trả lại cho ông 5,2 m² đất thổ cư và tháo dỡ công trình trên đất để trả lại mặt bằng cho ông.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 2013 anh được bố mẹ anh chuyển nhượng, tặng cho một phần đất thổ cư cho anh, có một chiều giáp danh với nhà ông T với chiều dài là 32,65m. Khi bố mẹ tặng cho cho anh, anh không ở nhà nhưng anh chắc chắn là hồ sơ thủ tục có mời các hộ giáp danh sang để đo đạc để anh làm bìa đồ. Khi đó ông T không có ý kiến thắc mắc gì. Hiện tại anh không xây mới kiến thiết gì mà vẫn là từ trước bố mẹ anh xây dựng. Ông T khởi kiện anh đề nghị anh trả cho ông T 5,2 m² đất thổ cư, anh không đồng ý vì diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh và anh Đ cộng vào so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố anh được cấp theo bản đồ 299 bị thiếu 2,9 m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ, tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Biên bản lấy lời khai 10 tháng 11 năm 2017 và các lời khai tiếp theo, Biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện V ông Đ khai: Ông là bố đẻ anh H. Năm 2013 ông chuyển nhượng, tặng cho một phần đất thổ cư cho anh H, có một chiều giáp danh với nhà ông T, diện tích là 330,5 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đến năm 2016 ông chuyển nhượng, tặng cho một phần đất thổ cư của ông cho anh Nguyễn Văn Đ là con trai cả của ông, diện tích theo bìa đồ của anh Đ là 392.6 m². Diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H và anh Đ cộng vào so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông được cấp theo bản đồ 299 bị thiếu 2,9m². Phần đất giáp ranh với nhà ông T là phần ông cho toàn bộ anh H. Hiện tại ông không có tài sản gì trên phần đất giáp ranh đó. Sau khi anh H được ông chuyển nhượng, tặng cho đất thổ cư, anh hưởng xây nhà, công trình phụ và 01 kho. Toàn bộ tài sản này chỉ có 01 phần nhà kho của anh H tiếp giáp với phần đất nhà ông T phần còn lại là thông hành không vướng bất cứ tài sản

gì.

Bức tường 10 là do anh H xây dựng năm 2009; phần tường còn lại cho đến hết đất xây bằng gạch xi do ông xây dựng từ khoảng năm 1994.

Ông công nhận diện tích đất của ông theo hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn Đ. Đề nghị tòa án xác minh làm rõ tại phòng tài nguyên môi trường. Ông không đồng ý cho Tòa án tiến hành đo đạc diện tích đất của gia đình ông (diện tích đất của anh H và diện tích đất của anh Đ).

Nay ông T có đơn khởi kiện đòi anh H 5,2 m² đất. Ông không đồng ý vì gia đình ông không lấn chiếm đất của ông T. Đề nghị Tòa án xác minh làm rõ mốc giới cho gia đình ông và gia đình ông T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh H đã được cấp.

Phần đất đang có tranh chấp với nhà ông T ông đã cho anh H toàn bộ, ông không liên quan gì đến việc kiện của ông T đề nghị Tòa án không báo gọi ông đến để giải quyết vụ án này nữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị Q, tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng Biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V chị Quế khai: Chị là vợ của anh H. Chị kết hôn cùng anh H từ năm 1997, sau khi kết hôn vợ chồng chị ăn ở cùng bố mẹ anh H. Năm 2013 bố mẹ anh H chuyển nhượng, tặng cho một phần đất thổ cư cho vợ chồng chị đứng tên, có một chiều giáp danh với nhà ông T, diện tích là 330,5 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đến năm 2016 bố mẹ chồng chị chuyển nhượng, tặng cho một phần đất thổ cư còn lại của ông bà cho anh Nguyễn Văn Đ là anh trai của anh H, diện tích theo GCN quyền sử dụng đất của anh Đ là 392.6 m². Diện tích đất theo GCN quyền sử dụng đất của hai anh em là vợ chồng tôi và của anh Đ so với diện tích thực tế lúc ban đầu của bố mẹ chồng chị chưa cho các con bị thiếu 2,9 m².

Sau khi được chuyển nhượng đất thổ cư, vợ chồng chị xây nhà, công trình phụ và 01 kho. Toàn bộ tài sản này chỉ có 01 phần nhà kho tiếp giáp với phần đất nhà ông T phần còn lại là thông hành không vướng bất cứ tài sản gì. Bức tường 10 là do vợ chồng chị xây dựng năm 2009; phần tường còn lại cho đến hết đất xây bằng gạch xi do bố mẹ anh H xây dựng từ khoảng năm 1994. Nay ông T có đơn khởi kiện đòi anh H 5,2 m² đất chị không đồng ý vì gia đình chị không lấn chiếm gì đất của ông T. Chị đề nghị Tòa án cho phép chị được vắng mặt tại các buổi hoà giải và phiên tòa chị xin được xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V, tuy vắng mặt tại

phiên tòa nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V bà Vĩnh khai: Bà là mẹ đẻ của anh H. Năm 2013 vợ chồng bà chuyển nhượng, tặng cho một phần đất thổ cư cho anh H, có một chiều giáp ranh với nhà ông T, diện tích là 330,5 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đến năm 2016 vợ chồng bà chuyển nhượng, tặng cho một phần đất thổ cư còn lại của vợ chồng bà cho anh Nguyễn Văn Đ là con trai cả của bà, diện tích theo GCN quyền sử dụng đất của anh Đ là 392.6 m². Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai con bà so với diện tích theo GCN quyền sử dụng đất cấp theo bản đồ 299 của vợ chồng bà bị thiếu 2,9 m².

Phần đất giáp ranh với nhà ông T là phần vợ chồng bà cho toàn bộ anh H. Hiện tại vợ chồng bà không có tài sản gì trên phần đất giáp ranh đó. Sau khi anh H được vợ chồng bà chuyển nhượng, tặng cho đất thổ cư, anh H xây nhà, công trình phụ và 01 kho. Toàn bộ tài sản này chỉ có 01 phần nhà kho của anh H tiếp giáp với phần đất nhà ông T phần còn lại là khoảng không không vướng bất cứ tài sản gì.

Bức tường 10 là do anh H xây dựng năm 2009; phần tường còn lại cho đến hết đất xây bằng gạch xi do vợ chồng bà xây dựng từ khoảng năm 1994.

Nay ông Tươi có đơn khởi kiện đòi anh H là con trai bà 5,2 m² đất. Bà không đồng ý vì gia đình bà không lấn chiếm gì đất của ông T cả. Đề nghị Tòa án xác minh làm rõ mốc giới cho gia đình bà và gia đình ông T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh H đã được cấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Ch trình bày và có quan điểm như nguyên đơn ông Nguyễn Trung T trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 và chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1974; Đều trú tại: Khu Hợp Phương, Phường Minh Ph, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện V có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ đến Tòa án nhân dân thành phố Việt Tr. Tòa án nhân dân thành phố Việt Tr tiến hành xác minh nhưng không có ai tên là Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 và chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1974 sinh sống làm việc tại khu Hợp Ph, Phường Minh Ph, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ nên không tiến hành lấy lời khai được của anh Đ chị Th.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Th thấy:

Đối với diện tích đất nhà ông Nguyễn Trung T: Theo sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập năm 1993, quyển số 01 trang 11 số thứ tự 14 từ trên xuống thể hiện: Sổ vào sổ 252, diện tích 478 m² tên người cấp giấy Nguyễn Trung T. Theo bản đồ can vẽ năm 1992, tờ bản đồ số 02, thửa số 12, diện tích 478 m². Theo

bản đồ VN 2000, tờ bản đồ số 05, thửa số 96 diện tích 476,8 m². Theo công ty cổ phần đo đạc và tư vấn đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc. Diện tích đất của ông Nguyễn Trung T là 476,9 m².

Đối với diện tích đất nhà ông Nguyễn Văn Đ: Theo sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập năm 1993, quyển số 01 trang 11 số thứ tự 13 từ trên xuống thể hiện: Số vào sổ 251, diện tích 726 m² tên người cấp giấy Nguyễn Văn Đ. Theo bản đồ can vẽ năm 1992, tờ bản đồ số 02, thửa số 11, diện tích 726 m².

Đối với diện tích đất của anh Nguyễn Văn H: Theo hồ sơ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 999769 cấp ngày 25/01/2013 diện tích đất 335 m² nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Đ tặng cho (GCN đã bị thu hồi). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 583029 cấp ngày 03/10/2013 thửa số 488, tờ bản đồ số 5 diện tích đất 330,5 m² (cấp đổi GCN QSD đất do đo đạc lại bản đồ VN 2000)

Đối với diện tích đất của anh Nguyễn Văn Đ: Theo hồ sơ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 503943999769 cấp ngày 19/8/2016 thửa số 489, tờ bản đồ số 5 diện tích đất 392,6 m² (cấp GCN QSD đất do đo đạc bản đồ VN 2000).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Không kiến nghị gì đối với Tòa án; Hội đồng xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166, 175, 176, 190 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 147, 156, 157, 158, 163, 164 và 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trung T về việc ông T đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn H phải trả cho ông T diện tích đất 5,2 m² và tháo dỡ công trình trên đất thuộc thôn Hoàng Xá Ng, xã Vĩnh Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Về án phí: Ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Trung T khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với anh Nguyễn Văn H về quyền đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy việc kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã được tổng đạt hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Trung T thấy rằng: Quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Trung T đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Phú (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10 tháng 10 năm 1993 mang tên Ông Nguyễn Trung T. Diện tích đất được cấp là 478 m² tại thửa số 12 tờ bản đồ 2 thuộc thôn Hoàng Xá Ng, xã Vĩnh Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ kết quả đo đạc theo VN 2000 thì diện tích đất của ông T là 476,8 m², ít hơn diện tích tại Giấy chứng nhận là 1,2 m². Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất của ông T, diện tích đất của ông T được xác định là 476,9 m² ít hơn diện tích đất tại Giấy chứng nhận là 1,1 m².

Đối với quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H, quá trình chuẩn bị xét xử ông H không đồng ý cho Tòa án tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ quyền sử dụng đất hiện mình đang quản lý, sử dụng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì hiện ông H là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 330,5m² tại thửa số 488 tờ bản đồ số 5 thuộc thôn Hoàng Xá Ng, xã Vĩnh Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03 tháng 10 năm 2013 mang tên Ông Nguyễn Văn H. Nguồn gốc đất của ông H là được tặng cho từ cụ Nguyễn Văn Đ là bố ông H. Căn cứ kết quả đo đạc theo VN 2000 thì diện tích đất của ông H là 330,5 m².

Tại đơn khởi kiện và quá trình trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn ông T cho rằng ông H đã lấn sang đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình diện tích 5,2m². Tuy nhiên căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất của ông T, diện tích đất hiện các đương sự đang tranh chấp thì chứng minh yêu cầu khởi kiện của ông T là không đúng, không có căn cứ. Tòa án đã tiến hành việc

xác minh, thu thập chứng cứ về việc đăng ký, kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H năm 2013. Kết quả thể hiện tại thời điểm năm 2013 khi ông H đăng ký, kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có chữ ký xác nhận của các hộ liền kề, trong đó có chữ ký của ông Nguyễn Trung T. Khi lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không xảy ra tranh chấp gì về mốc giới với các hộ liền kề. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai. Hiện trên diện tích đất ông T khởi kiện cho rằng ông H đã lấn của mình có các tài sản là 01 phần móng tường bằng đá ong do cụ Đ xây dựng từ lâu đời, 01 đoạn tường bao loan do ông H xây dựng năm 2010 và toàn bộ phần tường bao loan còn lại do cụ Đ xây dựng từ năm 1994, 1995. Đây cũng đồng thời được xác định là mốc giới để phân định giữa quyền sử dụng đất của ông H và ông T. Ngoài ra trên đất không có mốc giới gì khác bằng tường bao hay cây cối. Quá trình sử dụng đất ông T đã xây dựng 01 trụ cổng (40 x 40cm), xây năm 2001 khi xây dựng thì ông T đã xây dựng 01 phần trụ cổng giáp với phần tiếp giáp với phần tường bao loan của ông H. Đồng thời láng bê tông toàn bộ phần lối cổng đi, phần láng bê tông cũng chỉ đến mép tường bao loan nhà ông H. Năm 2001 khi ông T xây dựng trụ cổng và láng bê tông phần cổng đi thì ông T và ông H cũng không xảy ra tranh chấp gì về mốc giới.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19 tháng 9 năm 2019 ông T khẳng định đối với mốc giới là phần tường đá ong do cụ Đ xây giữa đất nhà ông H và nhà ông từ phía cổng thì không có tranh chấp gì. Vì vậy có căn cứ khẳng định mốc giới quyền sử dụng đất của ông H và quyền sử dụng đất của ông T không có sự thay đổi về mốc giới. Quá trình giải quyết vụ án thì ông T cho rằng ông H đã lấn sang đất của ông có chiều rộng là 10cm và kéo dài hết đất. Nhưng tại biên bản xem xét, thẩm định ngày 19 tháng 9 năm 2019 thì ông T lại cho rằng diện tích đất ông H đã lấn có chiều rộng 0,65m ở phía cuối và kéo dài hết đất. Tại phiên tòa ông T chấp nhận kết quả đo đạc ngày 30/8/2017 như vậy diện tích đất của gia đình ông chỉ thiếu 1,1 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T. Như vậy lời trình bày của ông T là mâu thuẫn, không thống nhất nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đòi anh Nguyễn Văn H trả ông 5,2 m² đất thổ cư.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng cụ Nguyễn Văn Đ, cụ Nguyễn Thị V thì đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình cho các con là anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn Đ.

Anh Đ và anh H đều đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H và anh Đ. Quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Văn Đ thì không có chiều, cạnh nào giáp với quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Trung T nên vợ chồng anh Đ không liên quan đến vụ án này.

Đối với bị đơn trong vụ án thì không có đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có đơn yêu cầu độc lập.

Căn cứ kết quả định giá của Hội đồng định giá thì quyền sử dụng đất hiện các đương sự đang tranh chấp có giá trị 800.000 đồng/01 m².

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Trung T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 2.300.000 đồng.

Số tiền còn lại 3.700.000 đồng Tòa án đã lập biên bản quyết toán trả lại số tiền trên nhưng ông T từ chối không nhận. Số tiền này hiện đang được lưu giữ tại Tòa án nhân dân huyện V.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166, 175, 176, 190 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 147, 156, 157, 158, 163, 164 và 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T về việc ông T đòi anh Nguyễn Văn H phải trả cho ông diện tích đất thổ cư 5,2 m² và tháo dỡ công trình trên đất thuộc thôn Hoàng Xá Ng, xã Vĩnh Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Trung T phải chịu 2.300.000 đồng.

Về án dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trung T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2014/0004398 ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Văn Quang

